TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 196/2019/HNGĐ-ST Ngày 12/8/2019 V/v: Tranh chấp ly hôn, về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thuý Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2019/HNGĐ-ST, ngày 12/3/2019 về "Tranh chấp ly hôn, về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/7/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ứng Ngọc M***,*** sinh năm 1987;

ĐKHKTT: Số nhà 04, tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Số 4, lô 4 Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H***,*** sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 04, tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Ứng Ngọc M trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2011 tại UBND phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống với bố mẹ anh H tại tổ 9 (nay là tổ 6), phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên năm 2017, chị đi làm ăn tại thành phố Hà Nội, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 và Hoàng Khánh M, sinh ngày 24/12/2013, hiện cháu L đang ở với anh H, còn cháu M đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Khánh M, còn anh H nuôi cháu Hoàng Gia L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh H không vay nợ ai hay cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Anh và chị Ứng Ngọc M quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2011 tại UBND phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh và chị M chung sống với bố mẹ anh tại tổ 9 (nay là tổ 6), phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể hoà hợp chung sống, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị M đề nghị ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn khi anh được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 và Hoàng Khánh M, sinh ngày 24/12/2013. Hiện tại cháu L đang ở với anh, còn cháu M đang ở với chị M. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh buôn bán tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị M không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh xác định anh và chị M không vay nợ ai hay cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xác minh tại địa phương được biết: Chị Ứng Ngọc M và anh Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú tại tổ 9 (nay là tổ 6), phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang. Chị M và anh H kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị ở

cùng bố mẹ chồng tại tổ 9 (nay là tổ 6) phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang. Quá trình chung sống, chị M và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế, chị M thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Từ khoảng năm 2017, không thấy chị M về nhà lần nào, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh H và chị M có 02 con chung là Hoàng Gia L và Hoàng Khánh M, hiện cháu L đang ở với anh H, còn cháu M đang ở với chị M.

Về tài sản chung: Chị M và anh H ở cùng nhà với bố mẹ anh H nên hiện nay không có tài sản chung.

Về vay nợ chung: Chị M và anh H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Về thu nhập của anh H: Anh H hiện đang bán nước giải khát ở khu vực gần Bệnh viên An Sinh, thu nhập bao nhiêu chính quyền địa phương không biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng bị đơn đều vắng mặt, nên không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Do vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ứng Ngọc M, xử cho chị Ứng Ngọc M được ly hôn anh Hoàng Văn H; giao con chung là Hoàng Gia L cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là Hoàng Khánh M cho chị Ứng Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Văn H và chị Ứng Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản và vay nợ chị M và anh H không có, không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/3/2019 Toà án thụ lý vụ án, sau đó đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định của Tòa án cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên

đơn chị Ứng Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ứng Ngọc M và anh Hoàng Văn H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 11/10/2011. Sau khi kết hôn chị M và anh H chung sống với bố mẹ anh H tại phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè hoà giải nhưng ngày càng trầm trọng hơn, đến năm 2017, chị M đi làm ăn sinh sống tại Hà Nội, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị M và anh H đã sống ly thân từ năm 2017, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 và Hoàng Khánh M, sinh ngày 24/12/2013. Xét thấy hiện tại cháu L đang ở với anh H cùng với bố mẹ anh anh H, còn cháu M đang ở với chị M, chị M và anh H đều có nơi cư trú ổn định, thu nhập đảm bảo cuộc sống và nuôi con, nên chấp nhận ý kiến của chị M giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M và anh H không đề nghị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ: Chị M và anh H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Ứng Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ứng Ngọc M và anh Hoàng Văn H ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Khánh M, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Ứng Ngọc M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 24/10/2012 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ứng Ngọc M và anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ứng Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000270 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Mạnh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Vương Minh Tân **Lý Thuý Hà** **Hoàng Mạnh Tuấn**